TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 328/2021/DS-PT
Ngày 08/4/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hứa thưởng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang

Bà Lê Thị Quỳnh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 và 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 680/2020/DSPT ngày 21/12/2020 về: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hứa thưởng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 360/2020/DS-ST ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 668/2021/QĐ-PT ngày 24/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2872/2021/QĐ-PT ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1961;
Cư trú tại: Số 43/17A đường T, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Bị đơn: Ông Phạm Huy T1, sinh năm 1935;
Cư trú tại: Số 818/39 đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1971;
Cư trú: Số 468/1B đường N, Phường B, quận P, TP. Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 008184 ngày 01/9/2020) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm số 360/2020/DS-ST ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân quận G thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L1 trình bày:

Theo đơn xin xác nhận ngày 21/9/2016 thì ông Phạm Huy T1 xác nhận có vay của bà số tiền 250.000.000 đồng, trong đó: 200.000.000 đồng để nộp tại ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 1622/2016/QĐ-BPBĐ ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; 50.000.000 đồng còn lại ông T1 dùng để chữa bệnh. Cũng theo đơn xin xác nhận nêu trên, ông T1 tự nguyện thưởng cho bà số tiền 1.123.750.000 đồng, tương đương 25% trên tổng số tiền 4.495.000.000 đồng. Ông T1 cam kết sẽ trả tiền nợ và tiền thưởng tổng cộng 1.373.750.000 đồng ngay sau khi ông thắng kiện trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặc cọc mua bán nhà và bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản án số 1631/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Huy T1, buộc Trung tâm Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng P, ông Giang Mãn P và bà Nguyễn Thị T2 phải liên đới trả lại cho ông Phạm Huy T1 số tiền 4.495.000.000 đồng.

Bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và trả tiền thưởng mặc dù bà L1 đã nhiều lần yêu cầu. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông Phạm Huy T1 trả tiền nợ và tiền thưởng tổng cộng là 1.373.750.000 đồng theo đơn xin xác nhận ngày 21/9/2016.

Ngày 24/6/2020, bà L1 có đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền số 008137 lập ngày 09/6/2020 giữa ông Phạm Huy T1 và ông Tôn Thất Tùng L2, công nhận hợp đồng ủy quyền số 1133 lập ngày 29/4/2020 giữa bà Nguyễn Kim L1 và ông Phạm Huy T1, nhưng sau đó đã có đơn rút lại yêu cầu này.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Trước đây, ông Phạm Huy T1 là nguyên đơn, bà L1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đối với nhà và đất số 292/20 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án và tổ chức thi hành bản án, giữa ông Phạm Huy T1 và bà Nguyễn Kim L1 không ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, bà L1 tự nguyện thực hiện công việc và không nhận thù lao. Do đó, không có việc "hứa thưởng - thi có giải" hoặc thỏa thuận thù lao theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, ông T1 là người bỏ ra tất cả các chi phí, không có việc ông T1 vay tiền của bà L1.

Đơn xin xác nhận ngày 21/9/2016 cũng không có giá trị pháp lý, có dấu hiệu bị sửa đổi, lắp ghép, lừa ký trước rồi in sau hoặc mẫu đề là đơn xin xác

nhận để lừa dối làm cho ông T1 tin là gửi cho cơ quan nào đó mới ký vào văn bản nêu trên. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Với nội dung vụ án nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên:

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 570, khoản 1 Điều 572 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khoản 2 Điều 244, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L1, buộc ông Phạm Huy T1 phải trả số tiền vay và hứa thưởng tổng cộng là 1.373.750.000 (Một tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L1 về tranh chấp hợp đồng ủy quyền đối với ông Phạm Huy T1.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/10/2020 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo:

Nguyên trước đây bà Nguyễn Kim L1 có tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Huy T1 trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán nhà với Trung tâm Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng P, khi tham gia vụ án này bà L1 không ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, lừa dối ông T1 trong việc ký Đơn xin xác nhận về việc trả nợ vay và chi trả tiền thưởng là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật luật sư.

Trong quá trình tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Huy T1 bà L1 tự nguyện thực hiện công việc và không nhận thù lao. Do đó, không có việc "hứa thưởng - thi có giải" hoặc thỏa thuận thù lao theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn thanh toán cho bà L1 250.000.000 đồng tiền công sức của bà L1 khi tham gia tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Huy T1 trước đây. Đối với số tiền hứa thưởng do bà L1 đã vi phạm đạo đức nghề nghiệp, lừa dối ông T1 trong việc hứa thưởng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà L1 buộc ông T1 trả tiền hứa thưởng là 1.123.750.000 đồng.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần án phí sơ thẩm, phúc thẩm do bị đơn là người cao tuổi có đơn xin xét miễn án phí.

Nguyên đơn trình bày ý kiến về yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Việc ông T1 cho rằng bà lừa dối ông trong việc ký Đơn xin xác nhận về việc trả nợ vay và chi trả tiền thưởng là không có thật, ông T1 cũng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của bà. Việc hứa thưởng và thực hiện chi trả tiền thưởng sau khi thực hiện xong hợp đồng dịch vụ pháp lý là phù hợp với các quy định của luật Bộ luật dân sự không vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 9 của Luật luật sư và đạo đức nghề nghiệp của luật sư. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết khách quan của vụ án, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, tuy nhiên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí do ông Phạm Huy T1 là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định:

[1] Bản án sơ thẩm số 360/2020/DS-ST được tuyên vào ngày 19/10/2020, ngày 28/10/2020 bị đơn kháng cáo vì vậy đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định, bị đơn có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xem xét toàn bộ nội dung dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Để chứng minh giữa đôi bên có quan hệ về vay tài sản và hứa thưởng nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Đơn xin xác nhận đề ngày 21/9/2016.

Theo nội dung đơn thì ông Phạm Huy T1 xác nhận có vay của bà L1 số tiền 250.000.000 đồng, tự nguyện hứa thưởng cho bà số tiền 1.123.750.000 đồng, tương đương 25% trên tổng số tiền 4.495.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền nợ và tiền thưởng ngay sau khi ông T1 thắng kiện trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặc cọc mua bán nhà với Trung tâm Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng P và bản án có hiệu lực pháp luật, chữ ký và chữ viết ông T1 đã thừa nhận là của ông. Vì vậy, nay thời hạn trả nợ và trả thưởng đã đến phía bị đơn từ chối trả nợ và trả thưởng là vi phạm nghĩa vụ dân sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ông T1 không vay tiền và hứa thưởng đối với bà L1. Đơn xin xác nhận ngày 21/9/2016, không có giá trị pháp lý, có dấu hiệu bị sửa đổi, lắp ghép, ông T1 đã bị bà L1 làm cho ông tin rằng nội dung của văn bản nêu trên chỉ để gửi đến cơ quan nào đó nên mới ký vào tờ giấy trắng trước rồi bà L1 soạn thảo văn bản trên và in sau. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và bị đơn cũng không có yêu cầu giám định đối với đơn xin xác nhận. Do đó, Tòa án chỉ có thể căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận trong quá trình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc với Trung tâm Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng P nguyên đơn không ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với bị đơn và không nhận tiền thù lao, do cha của nguyên đơn và bị đơn đã có quan hệ công tác từ trước năm 1975, đôi bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1. Việc thỏa thuận của đôi bên là không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, phía nguyên đơn cũng đã tham gia phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa ông T1 và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng P với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1. Chính vì vậy, việc không ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với bị đơn và không nhận tiền thù lao không làm mất đi giá trị pháp lý của Đơn xin xác nhận của ông T1 đề ngày 21/9/2016.

[6] Tại bản tường trình ngày 19/3/2021 và phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 của Luật luật sư thì việc nguyên đơn là một luật sư, nhưng lại yêu cầu bị đơn trả thêm tiền thưởng là vi phạm điều cấm của pháp luật nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này cùa nguyên đơn.

[7] Tòa xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý giải quyến tranh chấp giữa ông Phạm Huy T1 và Trung tâm Giáo dục Chăm sóc sức khỏe cộng đồng P bà Nguyễn Kim L1 đã thực hiện đúng quy định không *"Nhận, đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ khách hàng ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng dịch vụ pháp lý"*. Theo Đơn xin xác nhận (về việc trả nợ vay và chi trả tiền thưởng) ngày 21/9/2016 của ông T1 thì ông có ghi rõ *"Tôi tự nguyện thưởng cho cô Nguyễn Kim L1 số tiền…"*. Việc khách hàng tự nguyện thưởng cho luật sư trong quá

trình thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý và sau khi luật sự hoàn thành hợp đồng đích vụ pháp lý luật sư có được nhận thưởng hay không thì Luật luật sư không quy định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *"Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng".* Chính vì vậy Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét yêu cầu trả thưởng của nguyên đơn.

[8] Theo quy định tại khoản 1 Điều 570 BLDS năm 2015 về hứa thưởng có quy định *"Người đã công khai hứa thưởng phải trả thưởng cho người đã thực hiện công việc theo yêu cầu của người hứa thưởng*". Như vậy, luật không giới hạn việc trả thưởng cho luật sư sau khi đã hoàn thành công việc theo hợp đồng dịch vụ pháp lý. Hợp đồng dịch vụ pháp lý không vi phạm vào khoản 2 Điều 570 BLDS năm 2015 nên người hứa thưởng phải thực hiện việc trả thưởng theo quy định.

[9] Vào ngày 15/11/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa đôi bên bằng bản án số 1631/2018/DS-ST với nội dung chính là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Huy T1, buộc Trung tâm Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng P, ông Giang Mãn P và bà Nguyễn Thị T2 phải liên đới trả lại cho ông Phạm Huy T1 số tiền 4.495.000.000 đồng, phía bị đơn không kháng cáo nên bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Như vậy, căn cứ vào Đơn xin xác nhận ngày 21/9/2016 của ông T1 thì điều kiện về thời hạn trả nợ và trả thưởng đã đến, ông T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 250.000.000 đồng cho bà L1 theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời ông T1 có nghĩa vụ trả thưởng cho bà L1 số tiền 1.123.750.000 đồng theo quy định tại Điều 570, khoản 1 Điều 572 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên ông không thực hiện đúng thỏa thuận, là vi phạm nghĩa vụ dân sự.

[11] Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số tiền vay và trả thưởng cho nguyên đơn là đúng. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi, ngày 02/11/2020 ông T1 mới nộp đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm đây là tình tiến mới phát sinh trong vụ án cấp sơ thẩn không lỗi. Tòa án cấp phúc thẩm miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 4, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 570, khoản 1 Điều 572 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 9 của Luật luật sư

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2009 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm số 360/2020/DS-ST ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L1, buộc ông Phạm Huy T1 phải trả số tiền vay và hứa thưởng tổng cộng là 1.373.750.000 (Một tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L1 về tranh chấp hợp đồng ủy quyền đối với ông Phạm Huy T1.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/QĐ-BPKCTT ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí:

Ông Phạm Huy T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T1 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0027259 ngày 02/11/2020 của Chi cụ Thi hành án quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Kim L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.606.250 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0026461 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THA DS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Liên Minh